

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung vào chăm sóc, thu hoạch lúa mùa, lúa thu đông trên cả nước và gieo trồng cây màu vụ đông ở phía Bắc. Tính đến trung tuần tháng Mười, diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.747,6 nghìn ha, bằng 98,6% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.133 nghìn ha, bằng 98,4%; các địa phương phía Nam đạt 614,6 nghìn ha, bằng 99%. Đến thời điểm trên, các địa phương phía Bắc đã thu hoạch được 780,1 nghìn ha lúa mùa, chiếm 68,8% diện tích gieo cấy và bằng 98,4% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Hồng thu hoạch 367,3 nghìn ha, chiếm 68,6% diện tích gieo cấy và bằng 91,8%. Năng suất lúa mùa trên diện tích đã thu hoạch ước tính đạt 49,7 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha so với vụ mùa năm trước. Thời tiết khắc nghiệt, mưa bão xảy ra trong cả quá trình gieo cấy, sinh trưởng và thu hoạch nên dự kiến năng suất lúa mùa ở phía Bắc năm nay có khả năng tiếp tục giảm so với năm 2016. Tại các tỉnh phía Nam có 84,5 nghìn ha lúa mùa sớm đã cho thu hoạch, chiếm 13,8% diện tích xuống giống và bằng 98,8% cùng kỳ năm 2016.

Cùng với chăm sóc và thu hoạch lúa mùa, các địa phương trong cả nước đã thu hoạch được 2.104,5 nghìn ha lúa hè thu, bằng 99,9% cùng kỳ năm trước; năng suất ước tính đạt 54,5 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha so với vụ hè thu trước; sản lượng đạt 11,5 triệu tấn, tăng 127,5 nghìn tấn, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 9,04 triệu tấn, tăng 20,1 nghìn tấn.

Tính đến giữa tháng Mười, các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 753,7 nghìn ha lúa thu đông, bằng 99,3% cùng kỳ năm trước, trong đó một số địa phương diện tích gieo cấy giảm mạnh: An Giang giảm 18,1 nghìn ha; Đồng Tháp giảm 12,1 nghìn ha; Kiên Giang giảm 3,6 nghìn ha. Đến nay toàn vùng đã thu hoạch được 370,4 nghìn ha lúa thu đông, chiếm 49,1% diện tích gieo cấy và bằng 90,3% cùng kỳ năm trước. Nếu thời tiết từ nay tới cuối vụ thuận lợi, ước tính năng suất toàn vụ đạt 52 tạ/ha, tăng 1,6 tạ/ha so với vụ thu đông năm trước.

Tiến độ gieo trồng một số cây hoa màu vụ đông chậm hơn cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối tháng Chín và đầu tháng Mười. Tính đến thời điểm 15/10/2017, cả nước gieo trồng được 81,5 nghìn ha ngô, bằng 86,4% cùng kỳ năm trước; 10,7 nghìn ha khoai lang, bằng 64,1%; 6,1 nghìn ha đậu tương, bằng 35,7%; 4,8 nghìn ha lạc, bằng 92,3%; 70,9 nghìn ha rau,

đậu, bằng 83,1%.

Chăn nuôi trâu, bò và gia cầm nhìn chung ổn định, riêng chăn nuôi lợn tiếp tục gặp khó khăn do giá thịt lợn vẫn ở mức thấp trong khi chi phí chăn nuôi không giảm khiến nhiều hộ nhỏ lẻ ngừng nuôi, các gia trại và trang trại có xu hướng giảm quy mô đàn. Đàn trâu cả nước trong tháng ước tính giảm 1% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò tăng 2,8%; đàn gia cầm tăng 5,5%; đàn lợn giảm 5,4%. Tính đến thời điểm 26/10/2017, cả nước không còn dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

b. Lâm nghiệp

Trong tháng Mười, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 21,5 nghìn ha, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 946 nghìn m³, tăng 4,6%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 4,5 triệu cây, sản lượng củi khai thác đạt 1,7 triệu ste, tương đương cùng kỳ năm 2016. Tính chung 10 tháng, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 184 nghìn ha, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 88,8 triệu cây, tăng 0,1%; sản lượng gỗ khai thác đạt 8.832 nghìn m³, tăng 7,4%. Một số địa phương có sản lượng gỗ khai thác tăng cao: Phú Thọ đạt 491 nghìn m³, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước; Bắc Giang 472 nghìn m³, tăng 11,3%; Nghệ An 421 nghìn m³, tăng 22,6%; Hà Tĩnh 265 nghìn m³, tăng 22,7%. Sản lượng củi khai thác 10 tháng ước tính đạt 23,3 triệu ste, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong tháng, thời tiết mưa nhiều nên không xảy ra hiện tượng cháy rừng, cả nước có 50 ha rừng bị thiệt hại do chặt, phá. Tính chung 10 tháng, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.366 ha, giảm 59% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 471 ha, giảm 79,5%; diện tích rừng bị chặt, phá là 895 ha, giảm 12,9%.

c. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng Mười ước tính đạt 677,3 nghìn tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 476,5 nghìn tấn, tăng 3,7%; tôm đạt 93,9 nghìn tấn, tăng 8,7%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 366,9 nghìn tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 242,5 nghìn tấn, tăng 2,9%; tôm đạt 80 nghìn tấn, tăng 9,9%. Nuôi cá tra đang có xu hướng tăng cả về diện tích và sản lượng. Diện tích nuôi cá tra ước tính tăng từ 1%-2% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng cá tra trong tháng ước tính đạt 100,2 nghìn tấn, tăng 2,8%, trong đó An Giang đạt 25,5 nghìn tấn, tăng 1%; Đồng Tháp 22,4 nghìn tấn, tăng 38%; Cần Thơ 12,4 nghìn tấn, tăng 24%. Nuôi tôm nước lợ khá thuận lợi do thời tiết đang vào mùa mưa, độ mặn giảm giúp tôm phát triển tốt, các vùng sản xuất tôm - lúa đang tiếp tục thu hoạch để cải tạo

rửa mặn chuẩn bị diện tích cho vụ lúa. Sản lượng tôm nước lợ trong tháng ước tính đạt 77,6 nghìn tấn, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Tôm sú đạt 22 nghìn tấn, tăng 1,9%; tôm thẻ chân trắng đạt 55,6 nghìn tấn, tăng 15,1%. Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng của cả nước ước tính đạt 310,4 nghìn tấn, tăng 4,3% so cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng khai thác biển đạt 292,9 nghìn tấn, tăng 4,1%.

Tính chung 10 tháng, sản lượng thủy sản ước tính đạt 5.800,7 nghìn tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.040,5 nghìn tấn, tăng 4,3%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.760,2 nghìn tấn, tăng 4,7% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 2.597 nghìn tấn, tăng 4,9%).

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Mười ước tính tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 2,1%; ngành chế biến, chế tạo tăng mạnh 22,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 12%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8%.

Tính chung 10 tháng năm 2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 7,3% của cùng kỳ năm 2016^[1] và cao hơn mức tăng 7,9% của 9 tháng năm nay. Trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục đà tăng cao với mức tăng 13,6%, đóng góp 9,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,3%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 7,4%, làm giảm 1,6 điểm phần trăm mức tăng chung.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 10 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 29,3%^[2] (tập trung ở sản xuất điện thoại di động thông minh giá trị cao và linh kiện điện tử xuất khẩu toàn cầu); sản xuất kim loại tăng 18,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 13%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 12,8%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 6,1%; sản xuất trang phục tăng 5,7%; khai khoáng khác (chủ yếu khai thác đá, cát, sỏi) tăng 4%; khai thác than cứng và than non giảm 0,3%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 0,3%; sản xuất xe có động cơ giảm 1%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 1,7%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 9,6%.

Trong 10 tháng năm nay, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ năm

trước: Ti vi tăng 30,9%; sắt, thép thô tăng 28,4%; thép cán tăng 19,8%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 16,3%; phân urê tăng 15,7%; thép thanh, thép góc tăng 11,5%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Xe máy tăng 6,2%; điện thoại di động tăng 4,8%; giày, dép da tăng 1,6%; thuốc lá điều tăng 0,3%; than đá giảm 0,4%; khí đốt thiên nhiên giảm 8%; ô tô giảm 8,3%; khí hóa lỏng (LPG) giảm 10,2%; dầu thô khai thác giảm 11%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Bắc Ninh tăng 32% (do Tập đoàn Samsung tăng mạnh khối lượng sản xuất linh kiện điện tử); Hải Phòng tăng 20%; Thái Nguyên tăng 17,9%; Hải Dương tăng 10,1%; Bình Dương tăng 9,7%; Đà Nẵng tăng 9,1%; Đồng Nai tăng 8,5%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,8%; Cần Thơ tăng 7%; Hà Nội tăng 6,9%; Vĩnh Phúc tăng 6,9%; Quảng Ninh tăng 3,1%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 3,8%; Quảng Nam giảm 4,5%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2017 tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 12% so với 9 tháng năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 8,2%), trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Dệt tăng 32,8%; sản xuất kim loại tăng 24,3%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 21,5%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 17,6%; sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 14,9%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp: Sản xuất đồ uống tăng 7,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 6,1%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 5,6%; sản xuất xe có động cơ tăng 3,6%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/10/2017 tăng 8,8% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2016 tăng 8,9%), trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Sản xuất trang phục tăng 6,3%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 4,7%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 2,3%; dệt giảm 0,2%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 3,2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 17,9%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với mức tăng chung: Sản xuất đồ uống tăng 48,5%; sản xuất xe có động cơ tăng 45,2%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 20,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (chủ yếu là xi măng) tăng 19,5%; sản xuất thiết bị điện tăng 14,9%.

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 9 tháng năm 2017 là 65,6% (cùng kỳ năm trước là 67,6%), trong đó một số ngành có tỷ lệ tồn kho cao: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 120,8%; sản xuất xe có động cơ 85,1%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 84,4%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/10/2017 tăng 5,1% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,5%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 7,2%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 5,2% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 5,8%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 1,2%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,3%.

Lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 01/10/2017 so với cùng thời điểm năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Bắc Ninh tăng 19,3%; Đà Nẵng tăng 17,3%; Hải Dương tăng 9%; Vĩnh Phúc tăng 7,9%; Hải Phòng tăng 5,3%; Thái Nguyên tăng 5,3%; Bình Dương tăng 4,8%; Đồng Nai tăng 4,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 4,4%^[3]; Hà Nội tăng 3,8%; Cần Thơ tăng 2,2%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,9%; Quảng Nam giảm 0,2%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp^[4]

Trong tháng Mười, cả nước có 11.158 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 119,2 nghìn tỷ đồng, tăng 29,6% về số doanh nghiệp và tăng 48% về số vốn đăng ký so với tháng trước^[5]; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 10,7 tỷ đồng, tăng 14,2%; tổng số lao động đăng ký trong tháng của các doanh nghiệp thành lập mới là gần 90 nghìn người, tăng 40,5%.

Trong tháng, cả nước có 1.329 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 31,7% so với tháng trước; có 4.043 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (bao gồm: 2.550 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 1.493 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể), giảm 9%; có 1.058 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 7,7%.

Tính chung 10 tháng năm nay, cả nước có 105.125 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.021,9 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6% về số doanh nghiệp và tăng 43,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,7 tỷ đồng, tăng 25,5%^[6]. Nếu tính cả 1.414,5 nghìn tỷ đồng của hơn 29,5 nghìn lượt doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 10 tháng năm 2017 là hơn 2.436 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 22.765 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 10 tháng lên gần 128 nghìn doanh nghiệp. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 10 tháng là 976,4 nghìn người, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.

Theo ngành nghề kinh doanh chính, trong 10 tháng năm 2017 có 37,8 nghìn doanh nghiệp thành lập

mới trong ngành bán buôn, bán lẻ (chiếm 36% tổng số doanh nghiệp thành lập mới), tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước; 13,4 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,8%), tăng 8,6%; 13,3 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 12,7%), tăng 9,4%; 7,8 nghìn doanh nghiệp khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác (chiếm 7,5%), tăng 11,2%; 5,6 nghìn doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (chiếm 5,3%), tăng 22,6%; 5,1 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 4,9%), tăng 16,5%; 4 nghìn doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (chiếm 3,8%), tăng 62,5%; 2,9 nghìn doanh nghiệp giáo dục và đào tạo (chiếm 2,7%), tăng 25,2%...

Trong 10 tháng năm nay, số doanh nghiệp thành lập mới tại các vùng trong cả nước đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vùng Đông Nam Bộ có 44,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 13,1% (vốn đăng ký 525,9 nghìn tỷ đồng, tăng 73,2%); Đồng bằng sông Hồng 31,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,3% (vốn đăng ký 246,3 nghìn tỷ đồng, tăng 3,3%); Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 14,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,1% (vốn đăng ký 131,2 nghìn tỷ đồng, tăng 80,7%); Đồng bằng sông Cửu Long 7,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 15% (vốn đăng ký 53,6 nghìn tỷ đồng, tăng 14,2%); Trung du và miền núi phía Bắc 4,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 28% (vốn đăng ký 44,9 nghìn tỷ đồng, tăng 30,8%); Tây Nguyên 2,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 23,9% (vốn đăng ký 20 nghìn tỷ đồng, tăng 37,3%).

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 10 tháng năm 2017 là 9.794 doanh nghiệp, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 8.979 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm 91,7%. Nếu phân theo loại hình doanh nghiệp, trong tổng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, có 4.145 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 42,3%); 2.863 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 29,2%); 1.536 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 15,7%) và 1.248 công ty cổ phần (chiếm 12,7%).

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 10 tháng là 52.782 doanh nghiệp, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 19.619 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 11,6% và 33.163 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 0,1%. Trong tổng số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, có 8.301 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 42,3%); 6.221 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 31,7%); 3.370 công ty cổ phần (chiếm 17,2%); 1.724 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 8,8%) và 3 công ty hợp danh. Đối với doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, có 14.690 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 44,3%); 9.648 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 29,1%); 6.459 công ty cổ phần (chiếm 19,5%) và 2.365 doanh nghiệp tư

nhân (chiếm 7,1%).

4. Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Mười ước tính đạt 28,3 nghìn tỷ đồng, bao gồm: Vốn trung ương 6,4 nghìn tỷ đồng; vốn địa phương 21,9 nghìn tỷ đồng. Tính chung 10 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 221 nghìn tỷ đồng, bằng 72,5% kế hoạch năm và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2016, gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 50,3 nghìn tỷ đồng, bằng 71,2% kế hoạch năm và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Giao thông Vận tải đạt 24,5 nghìn tỷ đồng, bằng 77,4% và tăng 37,8%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 4.963 tỷ đồng, bằng 79,7% và giảm 10,5%; Bộ Y tế 2.898 tỷ đồng, bằng 56,4% và tăng 27,1%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 474 tỷ đồng, bằng 66,5% và giảm 70,8%; Bộ Xây dựng 369 tỷ đồng, bằng 76,4% và giảm 50,9%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 368 tỷ đồng, bằng 62,6% và giảm 17,5%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 364 tỷ đồng, bằng 61,2% và giảm 33,3%; Bộ Công Thương 196 tỷ đồng, bằng 80,1% và giảm 46,1%; Bộ Thông tin và Truyền thông 78 tỷ đồng, bằng 80,7% và giảm 23%; Bộ Khoa học và Công nghệ 74 tỷ đồng, bằng 77,8% và giảm 63,4%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 170,7 nghìn tỷ đồng, bằng 72,9% kế hoạch năm và tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 116,3 nghìn tỷ đồng, bằng 67,3% và tăng 4,8%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 45,2 nghìn tỷ đồng, bằng 85,8% và tăng 17,7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 9,2 nghìn tỷ đồng, bằng 105,1% và tăng 10,5%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 26,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch năm và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước; thành phố Hồ Chí Minh 14,4 nghìn tỷ đồng, bằng 42,2% và tăng 5,6%; Hải Phòng 5.375 tỷ đồng, bằng 73,2% và tăng 61,8%; Quảng Ninh 5.370 tỷ đồng, bằng 73,4% và tăng 15%; Nghệ An 5.336 tỷ đồng, bằng 81,5% và tăng 15,6%; Bình Dương 5.332 tỷ đồng, bằng 74,5% và tăng 12%; Vĩnh Phúc 4.902 tỷ đồng, bằng 81,7% và tăng 17,2%; Thanh Hóa 3.877 tỷ đồng, bằng 81,1% và tăng 10,6%; Cần Thơ 3.814 tỷ đồng, bằng 80,9% và tăng 39,6%.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/10/2017 thu hút 2.070 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 16,3 tỷ USD, tăng 0,4% về số dự án và tăng 32,9% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, có 1.001 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 7,2 tỷ USD, tăng 35,9% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 10 tháng năm 2017 lên 23,5 tỷ USD, tăng 33,8% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong 10 tháng năm 2017 có 4.156 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 4,7 tỷ USD. Như vậy, tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần 10 tháng đạt 28,2 tỷ USD, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 10 tháng ước tính đạt 14,2 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong 10 tháng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 5,8 tỷ USD, chiếm 35,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 5,6 tỷ USD, chiếm 34,5%; các ngành còn lại đạt 4,9 tỷ USD, chiếm 30,2%. Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước và góp vốn, mua cổ phần thì tổng vốn đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 10 tháng năm nay đạt 13,8 tỷ USD, chiếm 48,7% tổng vốn đăng ký; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 5,6 tỷ USD, chiếm 20%; các ngành còn lại đạt 8,8 tỷ USD, chiếm 31,3%.

Trong 10 tháng năm nay, cả nước có 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới, trong đó Thanh Hóa có số vốn đăng ký lớn nhất với 3.146,8 triệu USD, chiếm 19,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nam Định 2.129,9 triệu USD, chiếm 13,1%; thành phố Hồ Chí Minh 1.896 triệu USD, chiếm 11,6%; Kiên Giang 1.342,3 triệu USD, chiếm 8,2%; Bình Dương 1.260,4 triệu USD, chiếm 7,7%; Hà Nội 1.041,9 triệu USD, chiếm 6,4%; Tây Ninh 716,4 triệu USD, chiếm 4,4%; Bắc Giang 594,2 triệu USD, chiếm 3,6%; Đồng Nai 397,9 triệu USD, chiếm 2,4%; Hưng Yên 352,3 triệu USD, chiếm 2,2%.

Trong số 77 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 10 tháng, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 4.970,6 triệu USD, chiếm 30,5% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc 3.501,4 triệu USD, chiếm 21,5%; Xin-ga-po 3.142 triệu USD, chiếm 19,3%; Trung Quốc 1.311,9 triệu USD, chiếm 8%; Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) 637,8 triệu USD, chiếm 3,9%; CHLB Đức 337 triệu USD, chiếm 2,1%.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2017 ước tính đạt 865,6 nghìn tỷ đồng, bằng 71,4% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 679,2 nghìn tỷ đồng, bằng 68,6%; thu từ dầu thô 35,2 nghìn tỷ đồng, bằng 91,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 148,8 nghìn tỷ đồng, bằng 82,7%. Trong thu nội địa, thu tiền sử dụng đất đạt 83,1 nghìn tỷ đồng, bằng 130,4% dự toán năm; thu thuế thu nhập cá nhân 61,2 nghìn tỷ đồng, bằng 75,5%; thu thuế bảo vệ môi trường 31,9 nghìn tỷ đồng, bằng 70,7%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 130 nghìn tỷ đồng, bằng 66,9%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 121,2 nghìn tỷ đồng, bằng 60,3%; thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước 148,4 nghìn tỷ đồng, bằng 51,8%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2017 ước tính đạt 960,3 nghìn tỷ đồng, bằng 69,1% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 696 nghìn tỷ đồng, bằng 77,7%; chi trả nợ lãi 79,9 nghìn tỷ đồng, bằng 80,8%; riêng chi đầu tư phát triển đạt 180,7 nghìn tỷ đồng, chi

bằng 50,6% dự toán năm (trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 177,1 nghìn tỷ đồng, bằng 50,3%). Chi trả nợ gốc từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2017 ước tính đạt 133,9 nghìn tỷ đồng, bằng 81,7% dự toán năm.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười ước tính đạt 340,9 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 253,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% và tăng 11,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 44,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,1% và tăng 16,1%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,3 nghìn tỷ đồng, giảm 6,3% và tăng 28,1%; doanh thu dịch vụ khác đạt 39,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1,2% và tăng 11%. Tính chung 10 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 3.258 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,4% (cùng kỳ năm 2016 tăng 9%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 10 tháng ước tính đạt 2.439 nghìn tỷ đồng, chiếm 74,9% tổng mức và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành hàng gỗ và vật liệu xây dựng tăng 13,5%; lương thực, thực phẩm tăng 10,5%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 9,9%; may mặc tăng 9,8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 8,8%; phương tiện đi lại tăng 8,4%. Một số địa phương có mức tăng khá: Bình Dương tăng 18,3%; Bình Phước tăng 17,7%; Lào Cai tăng 17,6%; Hà Nam tăng 16,2%; Long An tăng 15,9%; Quảng Ninh tăng 14,6%; Hải Phòng tăng 13,3%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,5%; Hà Nội tăng 11,6%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 10 tháng ước tính đạt 406,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,5% tổng mức và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Bắc Ninh tăng 18,6%; Hải Phòng tăng 15,3%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 10,5%; Hà Nội tăng 10,2%.

Doanh thu du lịch lữ hành 10 tháng năm nay ước tính đạt 30,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước do lượng khách quốc tế và du lịch trong nước tiếp tục tăng, trong đó doanh thu của Thái Bình tăng 24,1%; Thanh Hóa tăng 20,6%; Hải Phòng tăng 22,1%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 18,1%; Hà Nội tăng 7,3%.

Doanh thu dịch vụ khác 10 tháng ước tính đạt 382,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,7% tổng mức và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2016. Một số địa phương có doanh thu tăng khá: Bình Dương tăng 19,2%; Đồng Nai tăng 12,7%; Nam Định tăng 12%; Quảng Trị tăng 11,4%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 9,1%; Hà Nội tăng 5,6%.

b. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng Chín đạt 19.342 triệu USD, cao hơn 342 triệu USD so với số ước tính, trong đó điện thoại và linh kiện cao hơn 552 triệu USD; giày dép cao hơn 42 triệu USD; dầu thô thấp hơn 79 triệu USD; cao su thấp hơn 49 triệu USD; rau quả thấp hơn 40 triệu USD; cà phê thấp hơn 23 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác và hàng dệt may thấp hơn 22 triệu USD; hạt điều thấp hơn 19 triệu USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Mười ước tính đạt 19,4 tỷ USD, tăng 0,3% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5,2 tỷ USD, tăng 2,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 14,2 tỷ USD, giảm 0,4%. Một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch tăng so với tháng trước: Phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 8%; điện thoại và linh kiện tăng 3,1%; thủy sản tăng 1,7%; hạt điều tăng 1,5% (lượng tăng 2,4%); gỗ và sản phẩm gỗ tăng 1,4%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm: Cao su giảm 21,8% (lượng giảm 20,2%); gạo giảm 19,6% (lượng giảm 22,4%); rau quả giảm 14,3%; dệt, may giảm 3,3%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Mười tăng 26,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 24,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 26,9%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng khá so với cùng kỳ năm 2016: Điện thoại và linh kiện tăng 76,4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 21,6%; dệt, may tăng 19,6%.

Tính chung 10 tháng năm nay, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 173,7 tỷ USD, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 48,2 tỷ USD, tăng 17,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 125,5 tỷ USD, tăng 22,1%. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng gia công, lắp ráp (với tỷ trọng lớn thuộc về các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài) tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện đạt 36,5 tỷ USD, tăng 28,8%; dệt may đạt 21,5 tỷ USD, tăng 9,5%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 21 tỷ USD, tăng 38,8%; giày dép đạt 11,7 tỷ USD, tăng 11,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 10,4 tỷ USD, tăng 28%; thủy sản đạt 6,8 tỷ USD, tăng 18,7%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 6,2 tỷ USD, tăng 10,9%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 5,7 tỷ USD, tăng 15,6%; hạt điều đạt 2,9 tỷ USD, tăng 24,4% (lượng tăng 0,7%); rau quả đạt 2,9 tỷ USD, tăng 42,7%. Một số mặt hàng nông sản và nguyên liệu thô có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước: Cà phê đạt 2,7 tỷ USD, giảm 1,8% (lượng giảm 22%); hạt tiêu đạt 1 tỷ USD, giảm 20,6% (lượng tăng 21,4%); sắn và sản phẩm của sắn đạt 798 triệu USD, giảm 2,4% (lượng tăng 4,6%).

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu 10 tháng, Hoa Kỳ vẫn là thị trường dẫn đầu với 34,7 tỷ USD,

tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2016; tiếp đến là EU đạt 31,8 tỷ USD, tăng 15,7%; Trung Quốc đạt 25,6 tỷ USD, tăng 48%; thị trường ASEAN đạt 18 tỷ USD, tăng 26,8%; Nhật Bản đạt 13,7 tỷ USD, tăng 14,7%; Hàn Quốc đạt 12,2 tỷ USD, tăng 28,6%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 9/2017 đạt 18.241 triệu USD, thấp hơn 359 triệu USD so với số ước tính, trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng thấp hơn 260 triệu USD; sắt thép thấp hơn 108 triệu USD; xăng dầu thấp hơn 93 triệu USD; kim loại thường thấp hơn 55 triệu USD; chất dẻo thấp hơn 30 triệu USD; điện thoại và linh kiện cao hơn 190 triệu USD.

Ước tính tháng Mười, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 18,5 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,0 tỷ USD, tăng 26,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12,5 tỷ USD, giảm 7,4%. Kim ngạch một số mặt hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất tăng: Xăng dầu tăng 20,9%; sắt thép tăng 19%; kim loại thường tăng 11,5%; vải tăng 7,5%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm: Sản phẩm chất dẻo giảm 7%; điện tử, máy tính và linh kiện giảm 3,9%; điện thoại và linh kiện giảm 2,1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Mười tăng 16,6%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 5,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 31,3%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện tăng 88,3%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 33%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 8,5%.

Tính chung 10 tháng năm 2017, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 172,5 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 64,6 tỷ USD, tăng 11,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 107,9 tỷ USD, tăng 29,2%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng phục vụ sản xuất trong nước tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 30,9 tỷ USD, tăng 35,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 28 tỷ USD, tăng 23,1%; điện thoại và linh kiện đạt 12,8 tỷ USD, tăng 49,3%; vải đạt 9,2 tỷ USD, tăng 8,3%; sắt thép đạt 7,5 tỷ USD, tăng 13,9% (lượng giảm 17%); chất dẻo đạt 6 tỷ USD, tăng 19,9% (lượng tăng 11,6%); xăng dầu đạt 5,6 tỷ USD, tăng 40,9% (lượng tăng 11%); nguyên phụ liệu dệt may, giày dép đạt 4,5 tỷ USD, tăng 8,2%; kim loại thường đạt 4,5 tỷ USD, tăng 13,6% (lượng giảm 19,5%); sản phẩm chất dẻo đạt 4,4 tỷ USD, tăng 22,3%; sản phẩm hóa chất đạt 3,7 tỷ USD, tăng 20,3%; hóa chất đạt 3,3 tỷ USD, tăng 30,1%; bông đạt 2,0 tỷ USD, tăng 47,7% (lượng tăng 27,9%).

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu 10 tháng năm 2017, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta với kim ngạch đạt 47,1 tỷ USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước[7]; tiếp đến là Hàn Quốc đạt 38,8 tỷ USD, tăng 48,4%[8]; ASEAN đạt 22,6 tỷ USD, tăng 17%; Nhật Bản đạt

13,3 tỷ USD, tăng 8%; EU đạt 9,9 tỷ USD, tăng 9,7%; Hoa Kỳ đạt 7,6 tỷ USD, tăng 10,5%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Chín xuất siêu 1,1 tỷ USD[9]. Tháng Mười ước tính xuất siêu 900 triệu USD, tính chung 10 tháng năm 2017 xuất siêu 1,23 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 16,40 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 17,63 tỷ USD.

c. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2017 tăng 0,41% so với tháng trước, trong đó nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 2,14% (dịch vụ y tế tăng 2,79%) do trong tháng có 9 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương^[10] thực hiện điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế (tác động làm CPI tăng khoảng 0,11%); nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,63%^[11]; giao thông tăng 0,61% do ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 20/9/2017, mặc dù trong tháng Mười giá xăng dầu có 2 đợt điều chỉnh giảm^[12] làm chỉ số giá nhiên liệu tăng 1,44%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng thấp hơn mức tăng chung: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,31%, trong đó lương thực tăng 0,57%^[13]; thực phẩm tăng 0,37%^[14]; giáo dục tăng 0,19% (dịch vụ giáo dục tăng 0,21%) do trong tháng có 6 tỉnh^[15] thực hiện lộ trình tăng học phí; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,17%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,10%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,06%; nhóm đồ uống và thuốc lá và bưu chính viễn thông cùng tăng 0,01%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,12%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2017 tăng 3,71% so với bình quân cùng kỳ năm 2016; CPI tháng 10/2017 tăng 2,25% so với tháng 12/2016 và tăng 2,98% so với cùng kỳ năm 2016.

Lạm phát cơ bản tháng 10/2017 tăng 0,06% so với tháng trước và tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 10 tháng năm 2017 tăng 1,44% so với bình quân cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số giá vàng tháng 10/2017 giảm 0,88% so với tháng trước; tăng 5,18% so với tháng 12/2016; tăng 1,39% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2017 giảm 0,03% so với tháng trước; giảm 0,07% so với tháng 12/2016 và tăng 1,67% so với cùng kỳ năm 2016.

d. Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng Mười ước tính đạt 351,6 triệu lượt khách, tăng 1,2% so với tháng trước và 15,9 tỷ lượt khách.km, tăng 1,8%. Tính chung 10 tháng, vận tải hành khách đạt 3.363,1 triệu lượt khách, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước và 151,8 tỷ lượt khách.km, tăng 9,3%, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 3.168,2 triệu lượt khách, tăng 11% và 102,7 tỷ lượt khách.km,

tăng 8,2%; đường thủy nội địa đạt 142,7 triệu lượt khách, tăng 3,4% và 2,6 tỷ lượt khách.km, tăng 8,4%; đường biển đạt 5,6 triệu lượt khách, tăng 12,8% và 297,4 triệu lượt khách.km, tăng 16,9%. Vận tải bằng đường hàng không tăng khá, đạt 38,3 triệu lượt khách, tăng 11,4% và 43 tỷ lượt khách.km, tăng 12,4%. Riêng vận tải đường sắt đạt 8,3 triệu lượt khách, giảm 2,9% và 3,3 tỷ lượt khách.km, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2016 do giá vé tàu chưa cạnh tranh được với hàng không giá rẻ và vận tải đường bộ.

Vận tải hàng hóa tháng Mười ước tính đạt 123,3 triệu tấn, tăng 1,5% so với tháng trước và 23,1 tỷ tấn.km, tăng 1,3%. Tính chung 10 tháng, vận tải hàng hóa đạt 1.189,4 triệu tấn, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước và 221,3 tỷ tấn.km, tăng 6,4%, trong đó vận tải trong nước đạt 1.162,1 triệu tấn, tăng 10,3% và 111,4 tỷ tấn.km, tăng 11,4%; vận tải ngoài nước đạt 27,4 triệu tấn, tăng 0,4% và 109,9 tỷ tấn.km, tăng 1,8%. Xét theo ngành vận tải, đường bộ đạt 922,2 triệu tấn, tăng 10,6% và 59,1 tỷ tấn.km, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước; đường thủy nội địa đạt 205,2 triệu tấn, tăng 7,4% và 43,6 tỷ tấn.km, tăng 8%; đường biển đạt 57,3 triệu tấn, tăng 9,6% và 115,1 tỷ tấn.km, tăng 3,1%; đường sắt đạt 4,5 triệu tấn, tăng 8,1% và 2,9 tỷ tấn.km, tăng 12,6%; đường hàng không đạt 262,1 nghìn tấn, tăng 8,8% và 675,9 triệu tấn.km, tăng 9,7%.

e. Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Mười ước tính đạt 1.024,9 nghìn lượt người, tăng 5% so với tháng trước, là tháng thứ 7 tính từ đầu năm có lượng khách đến nước ta đạt trên 1 triệu lượt người. So với cùng kỳ năm trước, khách du lịch đến nước ta trong tháng Mười tăng 24,7%, trong đó khách đến từ châu Á tăng 29,4%, từ châu Âu tăng 8,3%, từ châu Mỹ tăng 8%, từ châu Úc tăng 20,7%, từ châu Phi tăng 23,6%.

Tính chung 10 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 10.473,2 nghìn lượt người, tăng 28,1% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 8.877,1 nghìn lượt người, tăng 31%; đến bằng đường bộ đạt 1.391,4 nghìn lượt người, tăng 18%; đến bằng đường biển đạt 204,7 nghìn lượt người, giảm 8,1%.

Trong 10 tháng, khách đến từ châu Á đạt 7.899,2 nghìn lượt người, tăng 32,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ hầu hết các thị trường chính đều tăng: Khách đến từ Trung Quốc đạt 3.245,7 nghìn lượt người, tăng 45,6%; Hàn Quốc 1.934,1 nghìn lượt người, tăng 53,9%; Nhật Bản 658,2 nghìn lượt người, tăng 7,7%; Đài Loan 512,8 nghìn lượt người, tăng 21,1%; Ma-lai-xi-a 375 nghìn lượt người, tăng 17,2%; Thái Lan 239,2 nghìn lượt người, tăng 12,7%; Xin-ga-po 215,3 nghìn lượt người, tăng 7,8%.

Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.521,3 nghìn lượt người, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khách đến từ Liên bang Nga 457,3 nghìn lượt người, tăng 38,3%; Vương quốc Anh 233,7 nghìn lượt người, tăng 11,8%; Pháp 208,8 nghìn lượt người, tăng 6,7%; Đức 158,7 nghìn lượt người, tăng 13,7%; Hà Lan 60,1 nghìn lượt người, tăng 12,7%; Tây Ban Nha 57,6 nghìn lượt người, tăng 20,6%; I-ta-li-a 47 nghìn lượt người, tăng 12,3%.

Khách đến từ châu Mỹ đạt 671,2 nghìn lượt người, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Hoa Kỳ đạt 506,4 nghìn lượt người, tăng 9,8%. Khách đến từ châu Úc đạt 352,5 nghìn lượt người, tăng 13,3%, trong đó khách đến từ Ô-x-trây-li-a đạt 308,5 nghìn lượt người, tăng 14,2%. Khách đến từ châu Phi đạt 29 nghìn lượt người, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm 2016.

7. Một số tình hình xã hội

a. Thiếu đói trong nông dân

Trong tháng Mười, cả nước có gần 1,6 nghìn hộ thiếu đói, giảm 30,4% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 6,9 nghìn nhân khẩu thiếu đói, giảm 28,9%. Tính chung 10 tháng năm nay, cả nước có 165,1 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 34,9% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 678,1 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 35,5%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm đến nay, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 21,3 nghìn tấn lương thực và hơn 1 tỷ đồng.

b. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng 10/2017, cả nước có 23,3 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (8 trường hợp tử vong); 19,5 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 73 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 63 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (2 trường hợp tử vong); 4 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu; 19 trường hợp mắc bệnh viêm não Nhật Bản (2 trường hợp tử vong); 13 trường hợp mắc bệnh ho gà; 5 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người. Tính chung 10 tháng, cả nước có 148,5 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết, trong đó 125,3 nghìn trường hợp phải nhập viện (30 trường hợp tử vong); gần 81,6 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 534 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 616 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (21 trường hợp tử vong); 31 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (3 trường hợp tử vong); 203 trường hợp mắc bệnh viêm não Nhật Bản (8 trường hợp tử vong); 32 trường hợp nhiễm vi rút Zika; 543 trường hợp mắc bệnh ho gà (5 trường hợp tử vong) và 147 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người (12 trường hợp tử vong).

Tính đến thời điểm 17/10/2017, tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống là 209,8

nghìn người và số trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 90,5 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 92,8 nghìn người[16].

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng đã xảy ra 9 vụ với 302 người bị ngộ độc, trong đó 3 trường hợp tử vong. Tính từ 18/12/2016 đến 17/10/2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 93 vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng, làm 2.874 người bị ngộ độc, trong đó 20 trường hợp tử vong.

c. Tai nạn giao thông

Trong tháng (từ 16/9 đến 15/10), trên địa bàn cả nước đã xảy ra 1.805 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 873 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 932 vụ va chạm giao thông, làm 702 người chết, 503 người bị thương và 992 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Mười giảm 1,8% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 9% và số vụ va chạm giao thông giảm 10,1%); số người chết tăng 3,2%; số người bị thương giảm 4,4% và số người bị thương nhẹ giảm 18,7%. Đáng chú ý là trong tháng đã xảy ra một số vụ tai nạn giao thông đường bộ nghiêm trọng như: Vụ tai nạn tại thị xã Hương Trà (Thừa Thiên - Huế) ngày 18/9 làm 24 người bị thương; vụ tai nạn tại xã Truong Mít (Tây Ninh) ngày 2/10 làm 6 người chết và 8 người bị thương; vụ tai nạn tại quận Ô Môn (Cần Thơ) ngày 6/10 làm 2 người chết và 14 người bị thương.

Tính chung 10 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 16.167 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 7.894 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 8.273 vụ va chạm giao thông, làm 6.827 người chết, 4.052 người bị thương và 9.229 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 10 tháng năm nay giảm 6,3% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 4,6%; số vụ va chạm giao thông giảm 7,8%); số người chết giảm 4,1%; số người bị thương giảm 15,8% và số người bị thương nhẹ giảm 11,3%. Trong tổng số 7.894 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên 10 tháng vừa qua, có 7.662 vụ (chiếm 97,1%) xảy ra ở đường bộ, làm 6.663 người chết và 3.994 người bị thương; tai nạn giao thông đường sắt có 130 vụ, làm 112 người chết và 39 người bị thương; tai nạn giao thông đường thủy và hàng hải có 102 vụ, làm 52 người chết và 19 người bị thương. Bình quân 1 ngày trong 10 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 53 vụ tai nạn giao thông, gồm 26 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 27 vụ va chạm giao thông, làm 22 người chết, 13 người bị thương và 30 người bị thương nhẹ.

d. Thiệt hại do thiên tai

Trong tháng 10/2017, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ và sạt lở đất đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản cho nhiều địa phương trong cả nước. Theo báo cáo sơ bộ, thiên tai làm 109 người chết, mất tích và 49 người bị thương; gần 3,1 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 73,2 nghìn

ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 98,8 nghìn ha lúa và 53,1 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong tháng ước tính khoảng 6,1 nghìn tỷ đồng. Phần lớn thiệt hại trong tháng là do đợt mưa lũ bất thường xảy ra từ ngày 9-14/10 tại các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, trong đó một số địa phương chịu thiệt hại rất nặng nề: Hòa Bình có 34 người chết, mất tích và 12 người bị thương; 4,2 nghìn ngôi nhà bị sạt lở, tốc mái, sập đổ; 13,5 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; thiệt hại ước tính 802 tỷ đồng. Yên Bái có 28 người chết, mất tích và 9 người bị thương; hơn 1 nghìn ngôi nhà bị sạt lở, tốc mái, sập đổ; 878 ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; thiệt hại ước tính khoảng 700 tỷ đồng. Thanh Hóa có 19 người chết, mất tích và 7 người bị thương; 47 nghìn ngôi nhà bị sạt lở, tốc mái, sập đổ; 15 nghìn ha lúa, hoa màu và 10,6 nghìn ha nuôi trồng thủy sản bị ngập, hư hỏng; 17,3 nghìn con lợn và hơn 600 nghìn gia cầm các loại bị chết; thiệt hại ước tính khoảng 2,9 nghìn tỷ đồng. Ninh Bình có gần 11 nghìn ngôi nhà bị sạt lở, tốc mái, sập đổ; 17 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; thiệt hại ước tính khoảng 842 tỷ đồng.

Tính chung 10 tháng năm 2017, thiên tai làm 280 người chết, mất tích và 283 người bị thương; 4,9 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 308 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 163,7 nghìn ha lúa và 101,4 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong 10 tháng ước tính khoảng 29 nghìn tỷ đồng. Theo báo cáo sơ bộ, tổng số tiền mặt cứu trợ các địa phương bị ảnh hưởng do thiên tai từ đầu năm đến nay là trên 572 tỷ đồng.

e. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng 10/2017, cơ quan chức năng đã phát hiện 954 vụ vi phạm quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường, trong đó xử lý 736 vụ với tổng số tiền phạt hơn 6,3 tỷ đồng. Tính chung 10 tháng năm nay đã phát hiện 14.815 vụ vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn cả nước, trong đó xử lý 12.339 vụ với tổng số tiền phạt gần 182 tỷ đồng.

Trong tháng Mười, cả nước xảy ra 276 vụ cháy, nổ, làm 6 người chết và 16 người bị thương, thiệt hại ước tính 24,4 tỷ đồng. Tính chung 10 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 3.464 vụ cháy, nổ, làm 85 người chết và 220 người bị thương, thiệt hại ước tính khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ